

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **16/2018/NQ-HĐND**

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2018./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

QUY ĐỊNH

Phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Điều 1. Phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường

1. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường;

c) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường;

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh;

đ) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh;

e) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ trên địa bàn tỉnh;

g) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm: Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích trên địa bàn tỉnh (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường), thuộc danh mục dự án theo quy định tại các Quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ; Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo khoản 1, Điều 4, Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

i) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

k) Hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị xử lý rác thải và vận hành các công trình xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

l) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do tỉnh quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển;

m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) trên địa bàn tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường,

hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh (*bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có*);

p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

r) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định;

b) Tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo thẩm quyền; —

c) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (*bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường*); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện, thành phố;

d) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

đ) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền (*bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án*); dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

e) Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn huyện, thành phố;

g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý;

h) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

i) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo thẩm quyền;

k) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

l) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện (nếu có);

m) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước của thôn, làng, khu dân cư; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định;

b) Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn và tổ chức thực hiện; hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã;

c) Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo quy định các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý;

d) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn xã (Hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo thẩm quyền;

đ) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã (nếu có);

e) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Điều 2. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

1. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ:

Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề;

Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh;

Tổng hợp kết quả thống kê đất đai trên địa bàn tỉnh;

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai cấp tỉnh;

Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ giá đất;

Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

Các hoạt động đo đạc và bản đồ: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

b) Địa chất và khoáng sản:

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh;

Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản của tỉnh.

c) Tài nguyên nước:

Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh;

Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn;

Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước của tỉnh;

Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi tỉnh;

Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp;

Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của tỉnh.

d) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu:

Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn của tỉnh, thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh;

Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Giám sát biến đổi khí hậu của tỉnh;

Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

đ) Đa dạng sinh học:

Hoạt động của Ban quản lý khu bảo tồn do cấp tỉnh quản lý;

Đánh giá thực trạng, phân tích nguy cơ xâm hại và mức độ xâm hại và cô lập diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

Cứu hộ, tái thả động vật, thực vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ môi trường sinh sống tự nhiên, các khu bảo tồn; chi giám định, vận chuyển mẫu vật và tiêu hủy mẫu vật chết trong quá trình cứu hộ.

e) Các nhiệm vụ khác:

Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên và môi trường; thống kê các chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường của tỉnh (*không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn bảo vệ môi trường*);

Xây dựng, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (*nếu có*);

Xây dựng đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường của tỉnh theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) của cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

a) Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ:

Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;

Thống kê đất đai; Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai của địa phương;

Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Thành lập bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

Quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

b) Địa chất và khoáng sản:

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện quản lý;

Quản lý thông tin về khoáng sản của địa phương.

c) Tài nguyên nước:

Duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi huyện, thành phố quản lý;

Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh thuộc địa bàn quản lý;

d) Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu:

Truyền thông tin thiên tai trên địa bàn huyện

đ) Các nhiệm vụ khác:

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn sự nghiệp kinh tế;

Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) của địa phương.

3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

a) Quản lý đất đai:

Thống kê, đăng ký đất đai hàng năm; kiểm kê đất đai.

Chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Lập, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới;

Quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

b) Địa chất và khoáng sản:

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn xã, phường, thị trấn được giao quản lý.

c) Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu:

Truyền thông tin thiên tai trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

d) Các nhiệm vụ khác:

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

1. Chi phí quản lý chung

Thực hiện theo quy định tại mục 3 Phần II Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Một số mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án:					
a	Lập đề cương nhiệm vụ	Nhiệm vụ	2.000	1.600	1.000	
b	Lập đề cương dự án	Dự án				
-	<i>Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng</i>		3.000	2.400	Không có dự án	
-	<i>Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng</i>		4.000	3.200		
-	<i>Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng</i>		5.000	4.000		
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp				
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	350	300	200	
b	Thành viên, thư ký	Người/buổi	250	200	150	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	80	50	
d	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	300	180	
đ	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	150	100	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết		500		
4	Điều tra, khảo sát					
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	350	300	200	

b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin		Thực hiện theo Nghị quyết số 10 /2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo			
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)			
d	Chi cho người dẫn đường	Người/ ngày	100			Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ ngày	200			
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo				
a	Nhiệm vụ		3.500	2.800	1.800	- Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo Khoản 2 Phần III Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 136/2017/T T-BTC)
b	Dự án					
-	Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng		5.000	4.000	Không có dự án	
-	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		7.000	5.600		
-	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng		10.000	8.000		

6	Hội thảo khoa học (nếu có)	Người/ buổi hội thảo				
a	Người chủ trì		350	300	Không tổ chức	
b	Thư ký hội thảo		200	150		
c	Đại biểu được mời tham dự		100	80		
d	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	200		
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án					
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:					
-	Chủ tịch hội đồng	Người/ buổi	300	250	200	
-	Thành viên, thư ký	Người/ buổi	200	150	120	
b	Nghiệm thu dự án:					
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	500	400	Không có dự án	
-	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/ buổi	300	250		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	300		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	250		
-	Đại biểu được mời tham dự		100	80		

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du